TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 02 - 2025
V/v xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc T**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Phi H**

2. Ông **Sơn M**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn T** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐHPT-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Ngọc B**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Quốc H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc B trình bày:

Chị và anh Lê Quốc H do quen biết và tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân,

được hai bên gia đình chấp thuận, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 09/6/2023.

Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn và không quan tâm tới vợ con, cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng anh chị hiện đã sống ly thân. Từ đó, chị Ngọc B nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên xin được ly hôn với anh Lê Quốc H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị Ngọc B và anh Quốc H có 01 con chung là cháu Lê Thiên A, sinh ngày 08/5/2023. Hiện tại cháu đang sống với chị Ngọc B, sau khi ly hôn chị B xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngọc B không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/10/2024, bị đơn anh Lê Quốc H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc vắng mặt của các đương sự nêu trên là không vì sự kiện bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Dương Thị Ngọc B và anh Lê Quốc H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của chị Ngọc B thì giữa chị và anh Lê Quốc H do quen biết và tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình chấp thuận, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 09/6/2023. Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn và không quan tâm tới vợ con, cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Từ đó, chị Ngọc B nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên xin được ly hôn với anh Lê Quốc H.

Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh vẫn không tham gia và cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến của anh về yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc B, nên anh đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, anh H phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định.

Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa chị Ngọc B và anh H đã rơi vào tình trạng bế tắc trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Dương Thị Ngọc B được ly hôn với anh Lê Quốc H.

[3] Về con chung: Giữa chị Ngọc B và anh Quốc H có 01 con chung là cháu Lê Thiên A, sinh ngày 08/5/2023. Hiện tại cháu đang sống với chị Ngọc B, sau khi ly hôn chị B xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này của chị Ngọc B là có cơ sở, bởi anh H không có văn bản nào trình bày ý kiến của anh về vấn đề trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị Ngọc B, giao cháu Lê Thiên A cho chị Dương Thị Ngọc B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Ngọc B chưa yêu cầu nên anh Lê Quốc H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị Ngọc B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị Ngọc B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 9; 51; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc B.

Xử cho chị Dương Thị Ngọc B được ly hôn với anh Lê Quốc H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Thiên A, sinh ngày 08/5/2023 cho chị Dương Thị Ngọc B được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Ngọc B chưa yêu cầu nên anh Lê Quốc H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Ngọc B đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012913, ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Do đó, chị Ngọc B đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- UBND xã Đông Bình;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 08.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc T